



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 08866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcertis 306
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08484/2025/PKQ/25.4434

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀI PHÒNG
Địa chỉ: Số 84 Nguyễn Tất Tố, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc: Nhà máy nước Kiềm Bãi - Phường Thiên Hương, Thành phố Hải Phòng
Loại mẫu: Nước sạch
Ngày quan trắc: 04/12/2025
Thời gian thử nghiệm: 04/12/2025 - 10/12/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCĐP 02:2023/ TPHP
				251204.NSH.005	251204.NSH.006	251204.NSH.007	
1	Coliform tổng số ⁽⁺⁾	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	<3
2	E. Coli ⁽⁺⁾	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	<1
3	Asen (As) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,01
4	Clo dư tự do ⁽⁺⁾	mg/L	HD. QT.08-01-HT.02 (Ref: SMEWW 4500 - C1 G:2023)	0,83	0,80	0,79	0,2 ÷ 1
5	Clo dư tự do ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,58	0,55	0,54	0,2 ÷ 1
6	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	2
7	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
8	Mùi, vị ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD. QT.08-01 - W89	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM. QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 1/4



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

9	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,2	7,0	6 ÷ 8,5
10	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ⁽⁺⁾	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B : 2023	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	< 1
11	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>) ⁽⁺⁾	CFU/ 100mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	< 1
12	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,3
13	Bor (B) tính chung cho cả Borat và axit Boric ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
14	Cadimi (Cd) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,003
15	Chì (Plumbum) (Pb) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,01
16	Permanganat ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,6	<0,6	<0,6	2
17	Xyanua (Cyanide) (CN) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,05
18	Clorua (Cl) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	32,1	32,7	32,2	300
19	Chromi (Cr) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
21	Độ cứng tính theo CaCO ₃ ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6224:1996	71,2	68,4	70,4	300
22	Florua (Fluoride) (F) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	2
24	Mangan (Mn) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,1
25	Natri (Na) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	19	14,24	19,3	200
26	Nhôm (Aluminium) (Al) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0388	0,0378	0,0391	0,2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 2/4



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

27	Niken (Ni) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	<0,0020	<0,0020	<0,0020	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6180:1996	0,27	0,29	0,25	2
29	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	0,05
30	Sắt (Ferrum) (Fe) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,3
31	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ 2-E:2023	<4,5	<4,5	<4,5	250
32	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,001
33	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 2540C:2023	161	159	161	1.000
34	Phenol và dẫn xuất của phenol ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1
35	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	100
36	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	2
37	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	6
38	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20
39	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	20
40	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	60
41	Bromoform (CHBr ₃) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	100
42	Chloroform (CHCl ₃) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	300
43	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	100

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCDP 02:2023/TPHP: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

1. Phiên kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (°) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 3/4



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcertis 306

- 251204.NSH.005 - NSH01: Mẫu nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt lấy tại nhà máy nước Kiển Bái (20°55'16.2"; 106°37'44.1");
- 251204.NSH.006 - NSH02: Mẫu nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt lấy tại HGD Hoàng Đình Mạnh TDP Kiển Bái 5, p. Thiên Hương, Hải Phòng (20°55'19"; 106°37'54");
- 251204.NSH.007 - NSH03: Mẫu nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt lấy tại HGD Hoàng Đắc Thắng TDP Kiển Bái 6, p. Thiên Hương, Hải Phòng (20°55'20"; 106°38'10").

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huệ



Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiên kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 4/4